

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh, tương đồng với diễn biến của thị trường thế giới sau khi lợi suất trái phiếu Mỹ tăng vượt mức 3%

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

PLX, NKG

[Cập nhật công ty]

MWG, NLG, STK

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị duy trì các vị thế đã mở trong những phiên trước, chỉ bán một phần các vị thế ngắn hạn trong kịch bản chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ đã đề cập và chờ mua lại khi chỉ số kiểm định vùng đáy ngắn hạn

06/05/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,329.26	-2.31
VN30	1,373.21	-2.25
HĐTL VN30F1M	1,362.00	-2.89
HNXIndex	343.46	-4.26
HNX30	593.49	-6.10
UPCoM	101.88	-1.87
USD/VND	22,959	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.08	+5
Lãi suất qua đêm (%)	1.82	+44
Dầu (WTI, \$)	109.11	+0.79
Vàng (LME, \$)	1,879.84	+0.14



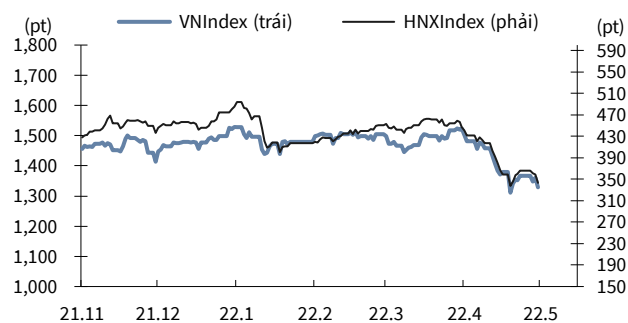
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,329.26 (-2.31%)
KLGD (triệu CP)	564.1 (+16.0%)
GTGD (triệu US\$)	740.5 (+10.7%)
HNXIndex	343.46 (-4.26%)
KLGD (triệu CP)	63.5 (-13.3%)
GTGD (triệu US\$)	62.6 (-7.9%)
UPCoM	101.88 (-1.87%)
KLGD (triệu CP)	62.1 (+66.3%)
GTGD (triệu US\$)	28.6 (-2.0%)

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh, tương đồng với diễn biến của thị trường thế giới sau khi lợi suất trái phiếu Mỹ tăng vượt mức 3%. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 4/2022 tiếp tục đạt trên 1 tỷ USD (+41% YoY), trong đó xuất khẩu cá tra đạt 297 triệu USD, tăng gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ và xuất khẩu tôm vẫn duy trì được tăng trưởng cao 35% trong tháng 4 khi đạt 406 triệu USD giúp cổ phiếu nhóm thủy sản giao dịch tích cực hơn thị trường chung ở ANV (+6.9%), VHC (+2.5%). Cục Xuất nhập khẩu dự báo trong quý II, ngành cao su toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi, giá bán sẽ tiếp tục giữ ở mức cao khi nhu cầu từ các thị trường lớn tăng, trong khi nguồn cung giảm và giá dầu thô tăng cao giúp cổ phiếu cao su tăng giá ở HRC (+2.8%). TRC (+0.8%). Khối ngoại bán ròng ở VCB (-2%), KBC (-4%), NVL (-0.5%).

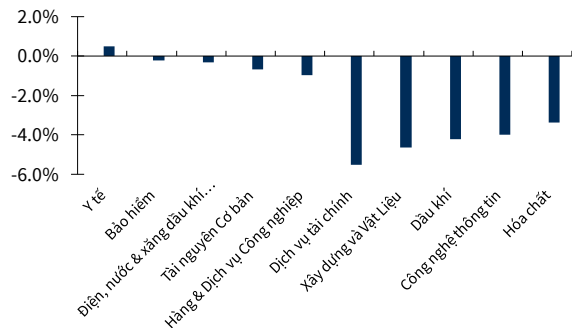
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -2.0

VNIndex & HNXIndex



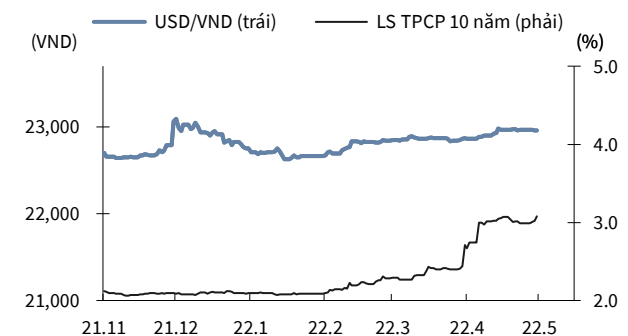
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

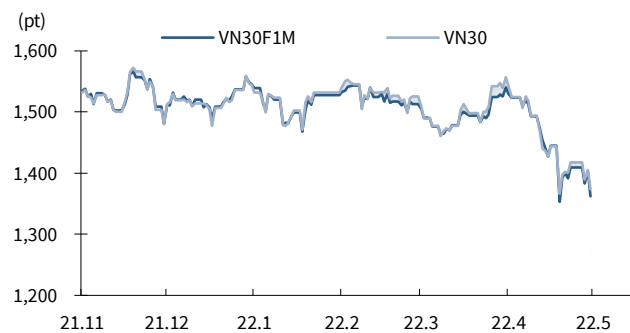
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,373.21 (-2.25%)
VN30F1M	1,362.0 (-2.89%)
Mở cửa	1,382.0
Cao nhất	1,396.3
Thấp nhất	1,358.8

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. F2205 giảm mạnh trong phiên ATO khiến chênh lệch với chỉ số cơ sở xuống mức thấp nhất tại -23.88 điểm sau đó hồi phục và biến động giằng co quanh mức -3.44 điểm trước khi tiếp tục giảm mạnh vào cuối phiên chiều và đóng cửa tại mức -11.21 điểm. Khối ngoại bán ròng với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

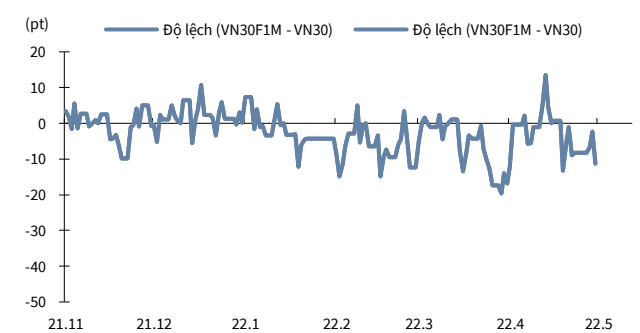
KLGD (HĐ) **301,953 (+30.0%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



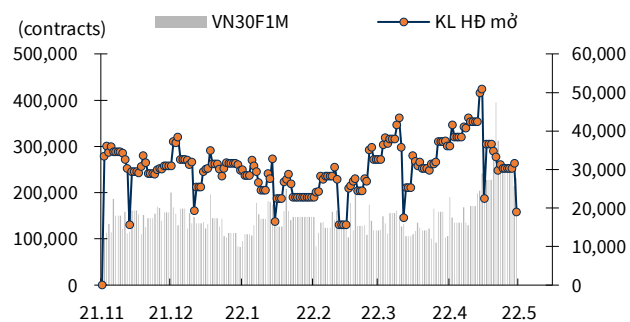
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



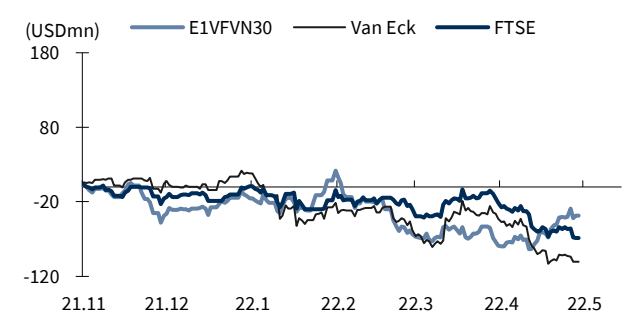
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

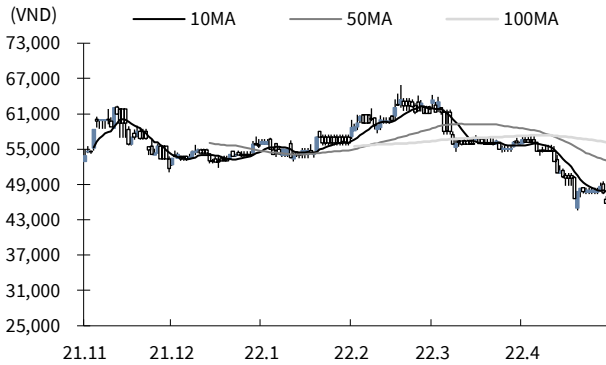
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

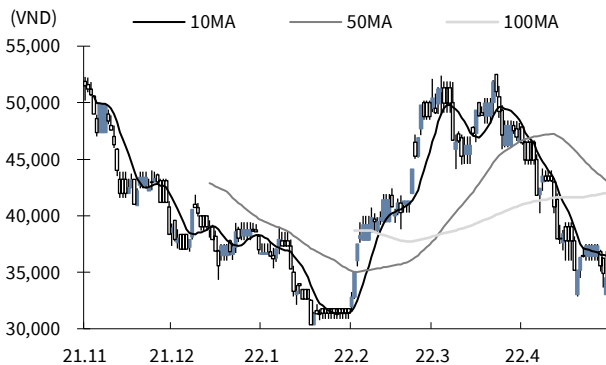
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX giảm 3.78% xuống 45,800 VND/cp
- Petrolimex công bố BCTC hợp nhất quý I với lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ giảm 63% xuống 243 tỷ đồng và doanh thu 67,020 tỷ đồng, tăng 75% YoY, biên lãi gộp giảm từ 8.87% xuống 4.14% do nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn cắt giảm sản lượng sản xuất khiến Petrolimex phải thay đổi kế hoạch nhập mua, tìm kiếm nguồn cung tức thời với mặt bằng giá cao từ các nhà cung cấp khác.

CTCP Thép Nam Kim (NKG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NKG giảm 1.15% xuống 34,500 VND/cp
- Tôn Nam Kim phát hành 43.8 triệu cổ phiếu để trả cổ tức 2021 tỷ lệ 20%, qua đó nâng vốn điều lệ của công ty lên 2,632 tỷ đồng, thời gian trả cổ tức dự kiến trong 45 ngày.
- Trong quý I, lợi nhuận công ty đạt 506.9 tỷ đồng tăng 59% so với cùng kỳ 2021 và hoàn thành 31.6% kế hoạch năm với doanh thu đạt 7,151 tỷ đồng, tăng 47.4% so với cùng kỳ năm trước. .

CTCP Đầu Tư Thế giới Di động (MWG)

KQKD Q1/2022 duy trì tăng trưởng nhẹ, BHX quyết tâm tái định vị nhờ chiến lược mới

Chuyên viên phân tích Lương Ngọc Tuấn Dũng
dunglnt@kbsec.com.vn

06/05/2022

KQKD Q1/2022 duy trì tăng trưởng từ mức nền cao cùng kì 2021

Luỹ kế Q1/2022, doanh thu thuần đạt 36,466 tỷ đồng (+18.2% YoY) và LNST đạt 1,445 tỷ đồng (+8% YoY). Qua đó, MWG hoàn thành lần lượt 26% và 23% kế hoạch về doanh thu và LNST đặt ra theo ĐHCĐ. KQKD trên hoàn thành 25.8% và 21.3% mức dự phóng của chúng tôi.

Chuỗi ĐMX/ĐMS (Điện Máy Xanh Supermini) kì vọng bắt phá trở lại sau 2 năm bị ảnh hưởng bởi Covid

Dự địa tăng trưởng cho thị trường điện máy vẫn tích cực nhờ (1) xu hướng mua sắm phục hồi sau 2 năm dịch bệnh, (2) tiếp tục đẩy mạnh chuỗi ĐMS – dự kiến sẽ vận hành ít nhất 1,000 cửa hàng vào cuối năm 2022, (3) nâng cấp các cửa hàng TGĐĐ thành ĐMX, mở trung tâm điện máy cỡ lớn nếu có cơ hội (quy mô 3,000m²).

Chiến lược tái định vị BHX, thực hiện nhiều chương trình bán hàng, khuyến mại

Theo BLĐ, nhằm thu hút khách hàng và chiến lược định vị BHX trở thành lựa chọn hàng đầu cho mặt hàng tươi sống, (1) BHX sẽ thực hiện nhiều chương trình bán hàng và khuyến mại hấp dẫn, (2) thay đổi layout cửa hàng điện rộng, thân thiện với khách hàng và nhân viên hơn. Trong ngắn hạn, chúng tôi đánh giá chiến lược này sẽ ảnh hưởng tới biên lợi nhuận và kế hoạch hoà vốn của BHX, song đây là việc làm cần thiết trước khi mở rộng BHX trên toàn quốc năm 2023.

Khuyến nghị: NẮM GIỮ – Giá mục tiêu: 169,500 VNĐ/cp

Chúng tôi giữ mức dự phóng KQKD cho 2 năm 2022-2023; năm 2022, chúng tôi dự phóng doanh thu thuần của MWG đạt 141,026 và LNST đạt 6,800 tỷ đồng (+39% YoY). Năm 2023, mức doanh thu thuần đạt 151,171 (+7% YoY) và LNST ở mức 7,550 tỷ đồng (+11% YoY). Chúng tôi khuyến nghị NẮM GIỮ đối với cổ phiếu MWG, giá mục tiêu 169,500 VNĐ/cp, cao hơn 13.4% giá đóng cửa ngày 05/05/2022.

NẮM GIỮ

Giá mục tiêu VND 169,500

Tăng/giảm (%)	13.4%
Giá hiện tại (05/05/2022)	149,400
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/triệu USD)	109.4/4,860

Dữ liệu giao dịch

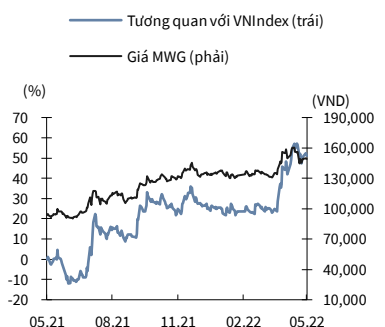
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	65%
GDTB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	345/15.3
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới bán lẻ (10.76%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4	10	15	61
Tương đối	7	19	21	51

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	109,801	124,142	141,026	151,171
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	5,413	6,445	8,978	9,969
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	3,920	4,901	6,800	7,550
EPS (nghìn VNĐ)	8,665	8,654	9,287	10,311
Tăng trưởng EPS (%)	0%	-21%	7.3%	11%
P/E (x)	13.2	13.7	16.1	14.5
P/B (x)	3.3	2.6	4.9	3.7
ROE (%)	25%	24%	31%	26%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	15%	5%	5%	5%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

NAM LONG (NLG)

Kết quả bán hàng kì vọng tăng trưởng mạnh

06/05/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
 ngaphb@kbsec.com.vn

Hoạt động bán hàng trong quý 1/2022 đạt kết quả tốt

Trong 4 tháng đầu năm 2022, Nam Long mở bán 2 block AK7, AK8 thuộc dự án Akari City giai đoạn 2 và 3 block Mizuki Panorama. Cả 2 dự án đều có tỷ lệ hấp thụ cao đạt trên 80% trong ngày đầu mở bán. Lũy kế 4 tháng đầu năm, NLG đã bán được hơn 1,500 sản phẩm với giá trị hợp đồng đạt 6,797 tỷ VND, đạt 30% kế hoạch bán hàng cả năm.

Kết quả bán hàng năm 2022 kì vọng tăng trưởng mạnh

Trong năm 2022, Nam Long dự kiến sẽ tiếp tục bán hàng tại các dự án Mizuki, Akari (giai đoạn 2), Southgate, Cần Thơ và Izumi City. Chúng tôi ước tính tổng giá trị bán hàng đạt hơn 15,000 tỷ VND (+71%YoY).

Kết quả kinh doanh duy trì đà tăng trưởng

Kết quả kinh doanh duy trì đà tăng trưởng trong các năm tới. Lợi nhuận năm 2022 được hỗ trợ bởi 340 tỷ VND lợi nhuận tài chính từ chuyển nhượng 50% dự án Paragon Đại Phước. Chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của NLG năm 2022 đạt lần lượt 5,893 tỷ VND (+13% YoY) và 1,247 tỷ VND (+16% YoY). Cho năm 2023, chúng tôi ước tính doanh thu của NLG đạt 6,461 tỷ VND (+10% yoy) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,552 tỷ VND (+24% yoy).

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu: 62,400VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu NLG với giá mục tiêu 62,400VND/cổ phiếu, cao hơn 30% so với giá đóng cửa ngày 05/05/2022.

Mua duy trì

Giá mục tiêu	62,400 VND
Tăng/giảm (%)	30%
Giá hiện tại (05/05/2022)	48050
Giá mục tiêu đồng thuận	61,900 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	18.4/0.8

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,217	5,206	5,893	6,461
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,002	1,205	2,213	2,050
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	835	1,071	1,247	1,552
EPS (VND)	2,780	2,686	3,256	4,053
Tăng trưởng EPS (%)	-21	-3	21	24
P/E (x)	16.98	17.57	14.76	11.86
P/B (x)	2.40	2.02	1.21	1.11
ROE (%)	13	11	12	13
Tỷ suất cổ tức (%)	2	1	1	

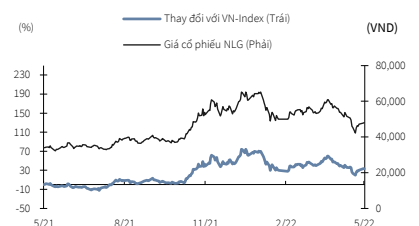
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	60%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	244.1/10.7
Sở hữu nước ngoài (%)	15.5%
Cố đồng lớn	Ông Nguyễn Xuân Quang (11.6%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-15	-2	-2	41
Tương đối	-6	3	0	-10



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP Sợi Thế Kỷ (STK)

Chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng mới

06/05/2022

 Chuyên viên phân tích Trần Thị Phương Anh
 anhttp@kbsec.com.vn

STK đặt kế hoạch lợi nhuận năm 2022 đạt 300.3 tỷ đồng (+7.8% YoY) và doanh thu đạt 2,606.7 tỷ đồng (+27.7% YoY)

Năm 2022, doanh nghiệp dự kiến kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng với lợi nhuận 300.3 tỷ đồng (+7.8% YoY) và doanh thu đạt 2,606.7 tỷ đồng (+27.7% YoY) với dự phóng giá bán tăng 11%, chênh lệch giá tăng 4% và thuế ở mức 11.7%. Bên cạnh đó, doanh thu từ sợi tái chế được kỳ vọng sẽ chiếm 54%, tăng so với mức 50% trong năm 2021. Kết quả kinh doanh sơ bộ trong Q1/2022 với lợi nhuận đạt 76.1 tỷ đồng (+8.4% YoY) và doanh thu 612 tỷ đồng (+7.8% YoY).

Dự án Unitex giai đoạn 1 khởi công trong tháng 4/2022 bắt đầu vận hành vào cuối năm 2023

Dự án Unitex giai đoạn 1 khởi công trong tháng 4/2022, chậm hơn 6 tháng so với kế hoạch trước và bắt đầu vận hành vào cuối năm 2023, tập trung sản xuất sợi tái chế (~60%) và sợi có giá trị cao. Tổng vốn đầu tư của dự án sẽ không vượt quá kế hoạch ban đầu dù chi phí vật liệu tăng cao nhờ đã ký kết hợp đồng mua máy móc thiết bị từ 2021.

STK sẽ phát hành 27,1 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ

STK sẽ phát hành 13.6 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:5, phân phối cổ phiếu quỹ cho người lao động theo chương trình ESOP 1.04 triệu cổ phiếu quỹ với giá 20,000đ/cp và phát hành riêng lẻ 13.5 triệu cổ phiếu, hạn chế giao dịch 1 năm với giá chào bán sẽ chiết khấu khoảng 7-10% so với thị giá thời điểm phát hành.

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu 67,500 VND/cp

Chúng tôi dự báo lợi nhuận đạt 316.5 tỷ đồng (+13.7% YoY) và doanh thu 2,645 tỷ đồng (+29.5% YoY) và điều chỉnh giá mục tiêu lên 67,500VND/cp, tiềm năng tăng giá 14.4% so với giá đóng cửa ngày 06/05/2022

Năm giữ

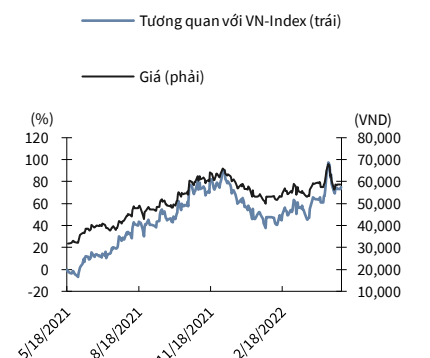
Giá mục tiêu	VND 67,500
Tăng/giảm (%)	14.4.0%
Giá hiện tại (06/05/2022)	VND 57,500
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	3,996

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	53.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	2.9/0.1
Sở hữu nước ngoài (%)	12.55%
Cổ đông lớn nhất	CTCP TVĐT Huisong Việt

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2	10	-2	79
Tương đối	9	18	6	71

Dự phóng KQKD & định giá

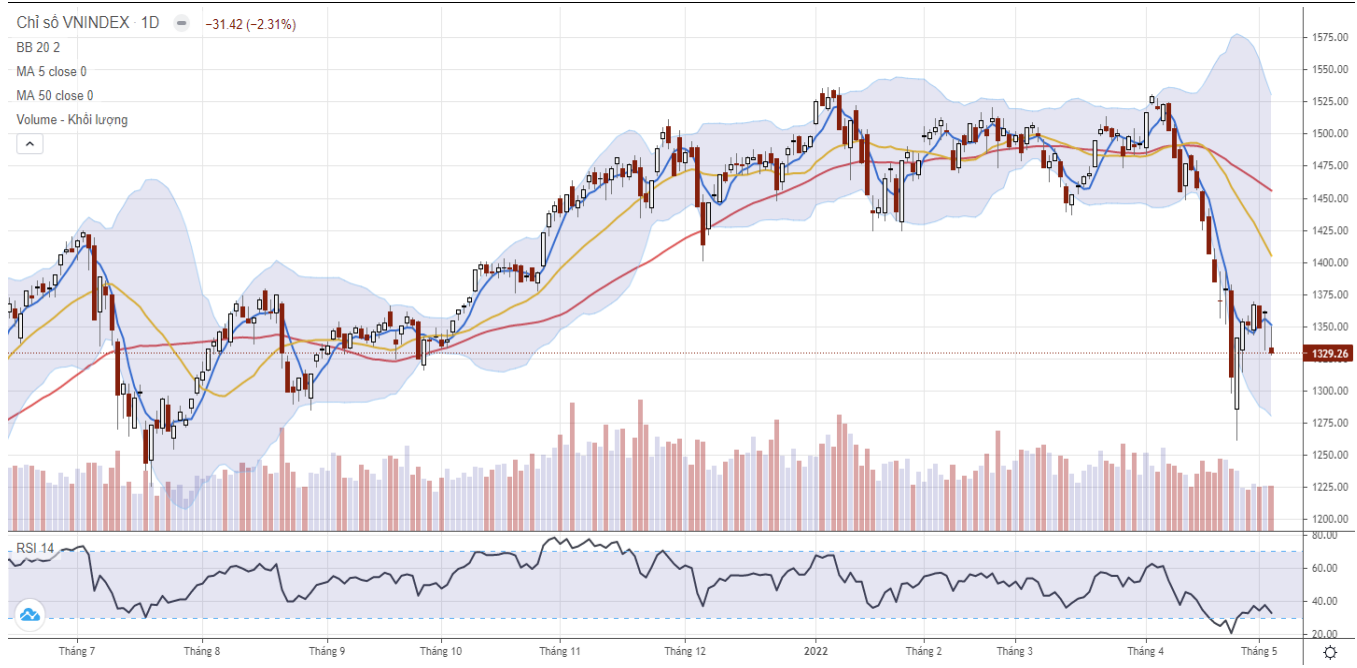
FY-end	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,229	1,766	2,042	2,645
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	248	164	285	357
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	214	144	278	316
EPS (VND)	3,032	2,041	3,937	4,410
Tăng trưởng EPS (%)	1.9	-32.7	92.9	12.0
P/E (x)	19.3	28.7	14.9	13.3
P/B (x)	3.8	3.8	3.3	2.7
ROE (%)	19.8	13.3	22.1	20.2
Tỷ suất cổ tức (%)	2.6	2.6	2.3	2.3



Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

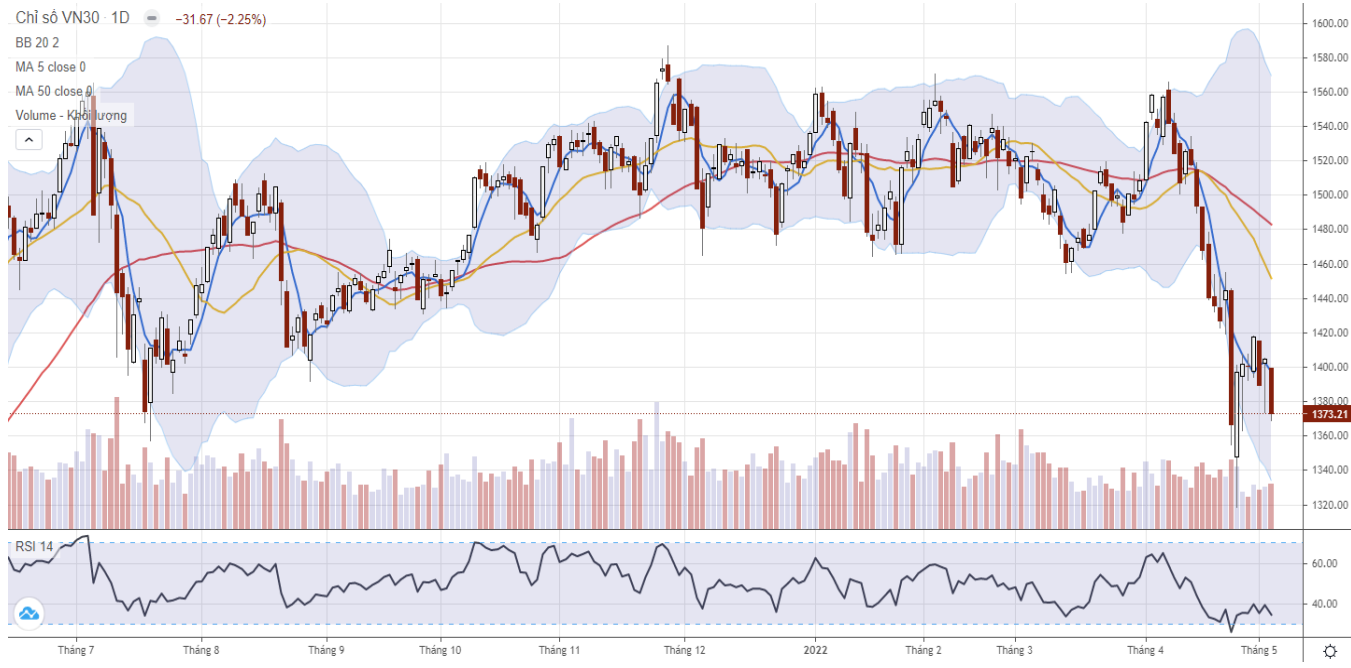
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến hồi phục gắng gỏi trước khi tiếp tục lao dốc về cuối phiên.
- Việc chỉ số giảm sâu cùng thanh khoản gia tăng trong các nhịp sụt giảm cho thấy rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh đang có phần chiếm ưu thế. Trong kịch bản tiêu cực, VNIndex có thể kiểm định lại cạnh dưới của vùng hỗ trợ quanh 1320 (+-10) đã được đề cập trong các nhận định trước. Đây cũng là chốt chặn phải được bảo lưu nếu không khả năng tiếp tục phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
- NĐT được khuyến nghị duy trì các vị thế đã mở trong những phiên trước, chỉ bán một phần các vị thế ngắn hạn trong kịch bản chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ đã đề cập và chờ mua lại khi chỉ số kiểm định vùng đáy ngắn hạn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1381 - 1385

Kháng cự gần: 1373 - 1376

Hỗ trợ gần: 1348 - 1352

Hỗ trợ xa: 1331 - 1335

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 diễn biến hồi phục giằng co trước khi tiếp tục lao dốc về cuối phiên.
 - Việc chỉ số giảm sâu cùng thanh khoản gia tăng trong các nhịp sụt giảm cho thấy rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh đang có phần chiếm ưu thế. Trong kịch bản tiêu cực, F1 có thể kiểm định lại cạnh dưới của vùng hỗ trợ quanh 1360 (+10) đã được đề cập trong các nhận định trước. Đây cũng là chốt chặn phải được bảo lưu nếu không khả năng tiếp tục phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các ngưỡng hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở lại một phần vị thế LONG tại vùng hỗ trợ nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

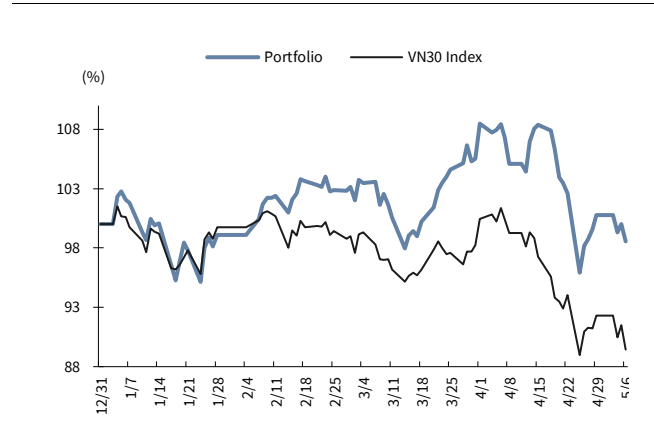
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.25%	-1.48%
Tăng lũy kế (YTD)	-10.58%	-1.46%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/05/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	146,600	-1.9%	89.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	63,700	1.0%	5.6%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	106,500	-3.2%	38.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	188,000	-3.6%	-2.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	86,000	4.6%	152.9%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	100,200	-4.3%	244.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,000	-3.2%	42.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	109,800	0.4%	49.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	41,800	-0.6%	188.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	41,100	-4.0%	200.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NLG	3.0%	34.5%	129.2
VRE	-2.3%	30.9%	60.0
DPM	1.0%	12.2%	48.3
MSN	-1.7%	28.6%	30.1
HSG	5.5%	6.7%	11.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	-2.0%	23.6%	-55.4
KBC	-4.0%	18.8%	-48.9
NVL	-0.5%	6.5%	-25.5
VIC	-0.3%	12.6%	-35.9
E1VFN30	-2.4%	94.2%	-40.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-9.8%	8.1%	4.5
IDC	-7.5%	1.3%	1.4
VCS	-2.8%	3.3%	0.8
CEO	-8.8%	0.5%	0.4
MST	-3.5%	0.1%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-6.6%	8.7%	-4.2
OCH	1.6%	0.1%	-0.6
PVI	0.6%	58.1%	-0.6
THD	-5.7%	1.5%	-0.2
SDN	10.0%	23.3%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	2.6%	BVH, MIG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.4%	GAS, POW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%	REE, HAH
Thực phẩm và đồ uống	-1.2%	SAB, MSN
Bất động sản	-1.4%	VHM, NLG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-9.8%	VND, SSI
Hóa chất	-6.4%	GVR, DGC
Dầu khí	-4.8%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	-4.7%	CTR, VGC
Ô tô và phụ tùng	-4.7%	TCH, HHS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	0.0%	MIG, BVH
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.0%	VSH, CHP
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4.9%	REE, HAH
Bán lẻ	-5.1%	BT, CMV
Thực phẩm và đồ uống	-5.6%	VHC, SAB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-25.6%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	-21.1%	VCG, VGC
Dầu khí	-19.7%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-15.2%	TCH, HHS
Hóa chất	-15.0%	GVR, DGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND triệu, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	207,042 (9.0)	22.5	73.3	39.2	14.7	4.4	7.3	3.0	2.7	-0.3	2.3	-0.9	-16.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	347,467 (15.1)	26.6	8.7	7.2	35.9	23.7	22.9	1.9	1.5	-0.1	5.7	10.0	-16.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	126,257 (5.5)	17.8	27.7	18.3	-7.6	8.2	11.1	2.1	2.0	-2.3	-3.0	11.9	-1.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	335,096 (14.6)	31.3	27.2	18.2	6.7	15.6	18.8	3.8	3.1	-0.5	-0.6	-6.4	-11.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	56,290 (2.5)	11.6	21.2	17.1	13.7	13.7	14.4	2.4	2.1	0.0	-1.9	-9.6	-9.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	367,596 (16.0)	13.9	13.5	7.0	-	15.0	12.4	1.6	1.9	-7.0	-9.6	24.8	-7.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	104,439 (4.6)	6.3	14.5	11.5	11.7	20.9	21.7	2.8	2.2	-2.0	-2.6	-6.1	0.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	86,179 (3.8)	12.7	13.9	10.1	-5.3	17.2	20.2	2.0	1.6	-3.1	-0.5	14.9	-0.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	375,908 (16.4)	0.0	6.7	5.5	14.3	21.0	20.6	1.3	1.0	-2.6	-0.2	16.8	-17.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	143,186 (6.2)	1.4	6.6	5.5	50.3	20.1	20.9	1.2	1.0	-3.2	-4.6	17.2	-20.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	833,426 (36.4)	0.0	10.3	8.3	18.8	16.7	17.1	1.6	1.3	-3.9	-5.0	14.5	-4.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	385,079 (16.8)	0.0	6.9	5.6	14.6	24.1	23.4	1.4	1.1	-3.4	-5.7	16.0	-3.1
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	92,370 (4.0)	4.2	6.7	5.5	23.3	22.4	21.9	1.3	1.1	-4.4	-3.8	17.1	-22.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	331,057 (14.4)	14.0	11.1	6.5	26.5	13.9	17.8	1.2	1.1	-5.2	-9.6	21.2	-19.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	142,203 (6.2)	0.0	7.9	6.4	37.4	23.0	22.6	1.7	1.3	-1.8	-3.4	18.3	-18.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	7,598 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.2	-3.9	18.8	-12.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	148,315 (6.5)	21.0	21.4	18.4	15.8	10.2	11.1	2.1	1.9	-0.3	3.7	-2.1	13.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	26,748 (1.2)	14.2	35.4	16.1	9.1	11.6	13.5	3.9	1.8	-3.3	0.7	15.5	-15.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	349,138 (15.2)	55.4	12.9	12.1	-3.2	15.2	15.2	-	-	-6.9	16.1	35.3	-44.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	109,207 (4.8)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-6.9	-9.7	36.1	-48.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	106,519 (4.6)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-7.0	13.5	33.9	-48.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	466,253 (20.3)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.9	13.5	23.9	-18.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	177,442 (7.7)	42.1	15.3	14.1	4.0	29.5	31.9	4.3	4.0	-2.6	-6.4	11.5	-18.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	39,974 (1.7)	36.9	25.1	20.7	7.3	19.3	21.5	4.5	4.1	-1.1	-0.9	-1.2	10.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	143,091 (6.2)	16.5	32.3	22.8	-51.9	14.5	19.7	4.5	3.8	-1.7	-1.7	-8.7	-17.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	74,355 (3.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-5.8	31.2	-43.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	88,484 (3.9)	11.0	111.4	22.4	-88.5	6.8	19.8	-	-	-2.1	-0.8	-9.2	-0.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	156,724 (6.8)	10.8	22.7	19.9	-57.0	12.2	13.7	2.6	2.5	0.7	5.3	-3.4	18.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	156,988 (6.8)	38.4	7.2	9.5	65.7	14.1	9.3	1.0	1.0	-6.4	10.0	35.6	-55.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	79,709 (3.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.9	4.7	25.2	-64.2
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	579,484 (25.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.8	-5.9	29.0	-34.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	77,448 (3.4)	3.6	11.3	8.4	-52.4	4.2	5.4	0.5	0.4	-5.3	-9.0	39.8	-51.1
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	77,582 (3.4)	0.0	13.5	11.2	-4.5	13.8	14.4	1.8	1.6	4.6	16.2	1.5	24.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	84,235 (3.7)	46.1	18.2	16.8	-17.5	20.4	19.5	3.7	3.5	0.4	-1.1	-3.4	14.1	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	28,479 (1.2)	31.4	10.7	9.5	-10.5	15.7	16.1	1.5	1.4	-1.5	0.2	-6.5	-14.6	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,675 (0.1)	34.1	13.5	8.4	-5.1	10.1	17.3	1.2	1.1	-1.1	-1.6	-	14.6	-22.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	757,094 (33.0)	18.0	6.3	6.2	21.9	29.7	23.4	1.6	1.3	-0.6	-1.6	-	11.5	-9.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	429,815 (18.7)	36.5	6.7	13.9	-0.5	31.6	15.2	1.9	1.8	1.0	-1.2	2.6	27.4	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	242,219 (10.6)	46.5	7.8	11.5	-4.5	29.9	17.6	2.0	1.8	-1.9	-2.5	-9.8	-2.5	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	235,991 (10.3)	38.9	4.1	4.7	67.9	24.0	19.9	0.9	0.8	5.5	10.0	27.7	-	-30.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	72,851 (3.2)	97.2	12.5	11.2	17.2	7.0	7.6	0.9	0.8	-4.1	-4.8	30.0	-	-36.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	77,290 (3.4)	4.6	16.8	13.4	-51.0	14.1	15.9	1.7	1.7	-3.8	-5.2	18.2	-	-15.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	171,901 (7.5)	39.9	24.1	11.3	-11.9	3.3	5.9	0.7	0.6	-6.8	-1.4	-	32.3	-22.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	79,656 (3.5)	35.9	7.2	6.2	2.2	16.5	16.4	1.0	0.9	-6.1	-2.0	21.4	-	-20.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	371,855 (16.2)	0.0	16.4	13.6	14.4	27.6	27.2	4.3	3.6	-1.9	-0.4	-7.7	7.9	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	135,299 (5.9)	0.0	17.9	14.5	2.4	21.6	21.8	3.3	2.7	-3.2	-0.5	-9.8	10.7	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,912 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-5.0	-7.1	36.5	-	-33.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	164,782 (7.2)	30.3	17.5	14.6	-75.2	30.5	28.4	5.0	3.8	-7.0	-2.8	-9.3	41.6	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	81,640 (3.6)	34.6	8.8	10.0	41.2	35.0	25.3	2.5	2.2	-4.3	-6.6	-	19.9	-7.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,498 (0.1)	45.4	16.8	15.4	10.7	20.1	19.9	3.1	2.8	1.8	1.5	-5.6	-10.8	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	393,439 (17.2)	0.0	18.0	14.4	15.5	26.9	28.5	4.4	3.7	-4.3	-2.7	-	11.3	7.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.